

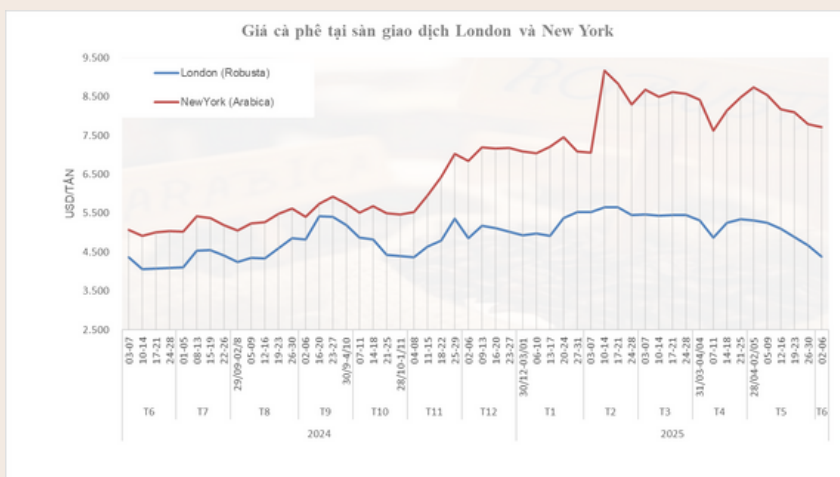
NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

www.thitruongnongsan.gov.vn

ĐIỂM TIN

- Trong tuần giá cà phê trên hai sàn giao dịch London và sàn giao dịch New York tiếp tục có xu hướng giảm do lượng tồn kho của ICE tăng
- Tháng 4/2025, xuất khẩu toàn cầu đạt 11,43 triệu bao, giảm 5,50% so với cùng kỳ năm 2024.
- Xuất khẩu cà phê của Uganda trong tháng 4/2025 đạt 694.318 bao, tăng 77,44% so với cùng kỳ năm trước (303.011 bao).
- Tính đến ngày 26/5/2025, Brazil đã thu hoạch khoảng 23,4% sản lượng cà phê Robusta trong niên vụ này.

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

GIÁ CÀ PHÊ THẾ GIỚI GIẢM

Trong tuần 02/06/2025 đến 06/06/2025, giá cà phê thế giới giảm so với tuần trước trên hai sàn giao dịch London và New York. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 7/2025 tại thị trường London đạt 4.379 USD/tấn, giảm 6,2% so với tuần trước và tăng 0,4% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 4.423 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 4.318 USD/tấn. [1] Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 7/2025 bình quân đạt 7.713 USD/tấn, giảm 1% so với mức giá tuần trước, và tăng 51,9% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 7.931 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 7.514 USD/tấn.[1]

Nguyên nhân chính của việc sụt giảm được cho là vì lượng cà phê tồn kho của ICE tiếp tục tăng trong tuần này. Lượng cà phê Robusta tồn kho của ICE đã tăng lên mức cao nhất trong 8 tháng là 5.438 lot, tính đến ngày 30 tháng 5. Trong khi đó, lượng Arabica tồn kho đã tăng mức cao nhất trong 4 tháng qua là 892.468 bao tính đến ngày 03/06/2025. [2]

UNGANDA

Cơ quan Phát triển Cà phê Uganda (UCDA) báo cáo rằng xuất khẩu cà phê của quốc gia này trong tháng 4/2025 đạt 694.318 bao, tăng 77,44% so với cùng kỳ năm trước (303.011 bao). Xuất khẩu cà phê Robusta tăng mạnh 104,63%, đạt 594.188 bao, trong khi xuất khẩu cà phê Arabica giảm nhẹ 0,80%, đạt 100.130 bao trong cùng tháng.[2]

Ngoài ra, UCDA cũng cho biết xuất khẩu lũy kế trong 7 tháng đầu niên vụ cà phê 2024/2025 (từ



tháng 10/2024 đến tháng 9/2025) đạt 3.756.292 bao, tăng 27,81% (tương đương 817.294 bao) so với cùng kỳ niên vụ trước.[2]

Uganda – quốc gia sản xuất Robusta hàng đầu châu Phi – được dự báo sẽ sản xuất khoảng 5,85 triệu bao trong niên vụ 2025/2026 (từ tháng 10/2025 đến tháng 9/2026), với lượng xuất khẩu dự kiến đạt khoảng 5,50 triệu bao, tương đương khoảng 10% tổng xuất khẩu Robusta toàn cầu.[2]

BRAZIL

Theo StoneX và dữ liệu từ thực địa, vụ thu hoạch cà phê Robusta (bao gồm giống Conilon) tại Brazil niên vụ 2025 đang đạt tiến độ nhanh và có khả năng vượt mức dự báo ban đầu. Tính đến ngày 26/5/2025, khoảng 23,4% sản lượng dự kiến đã được thu hoạch. Riêng tại bang Espírito Santo – vùng sản xuất Robusta trọng điểm, hợp tác xã Coaabriel ước tính đã hoàn thành khoảng 25% khối lượng thu hoạch.[4]

Dự báo sản lượng cà phê Robusta tại bang này có thể vượt 17 triệu bao loại 60kg, so với mức 16 triệu bao của vụ mùa 2022. Một số nguồn công và tư nhân đều cho rằng Brazil có thể đạt sản lượng Robusta kỷ lục trong năm nay, bất chấp mưa trái mùa không gây tác động tiêu cực rõ rệt. Ngược lại, thời tiết hiện tại có thể hỗ trợ tích cực cho vụ mùa năm 2026.[4]

XUẤT KHẨU CÀ PHÊ THẾ GIỚI THÁNG 4/2025.

Theo báo cáo tháng 4/2025 của Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), tổng lượng cà phê xuất khẩu toàn cầu trong tháng đạt 11,43 triệu bao, giảm 5,50% so với cùng kỳ năm 2024

Sự sụt giảm này chủ yếu do lượng xuất khẩu từ Brazil – quốc gia sản xuất và xuất khẩu cà phê lớn nhất thế giới – giảm mạnh. [5]

Tính lũy kế trong 7 tháng đầu niên vụ cà phê 2024/2025 (tháng 10/2024 đến tháng 4/2025), xuất khẩu cà phê toàn cầu đạt 78,51 triệu bao, thấp hơn 3,50% so với cùng kỳ năm trước.[5]

Khu vực châu Á ghi nhận mức tăng trưởng xuất khẩu tích cực, với Việt Nam, Ấn Độ và Indonesia đạt tổng cộng 4,14 triệu bao, tăng 8,30% so với tháng 4 năm ngoái. [5]

Xuất khẩu từ châu Phi cũng tăng mạnh 30,20%, đạt 1,80 triệu bao. Khu vực Trung Mỹ và Mexico ghi nhận mức tăng 4,10%, đạt 1,78 triệu bao.

Ngược chiều xu thế, khu vực Nam Mỹ chứng kiến sự suy giảm mạnh với tổng xuất khẩu tháng 4 chỉ đạt 3,71 triệu bao, giảm 28,40% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Brazil đóng góp phần lớn sự sụt giảm với mức giảm 34,10%, chỉ đạt 2,81 triệu bao, do ảnh hưởng của tắc nghẽn hậu cần, tồn kho giảm.[5]

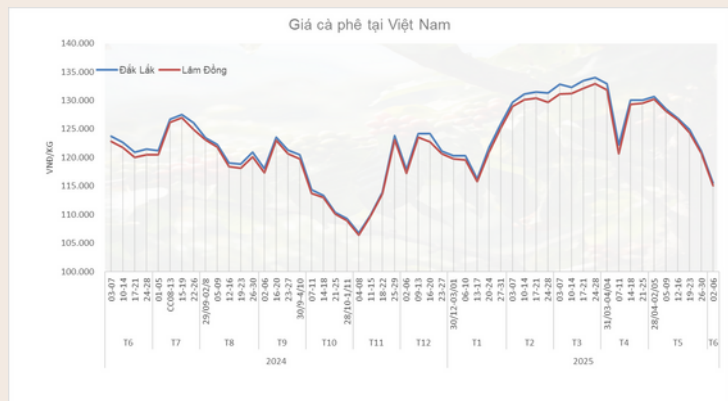




DIỂM TIN

- Giá cà phê trong nước tiếp tục giảm do ảnh hưởng của thị trường cà phê thế giới
- 15 ngày đầu tháng 5 năm 2025, Việt Nam đã xuất khẩu được khoảng 68.400 tấn cà phê nhân, giá trị 373 triệu USD
- 4 tháng đầu năm 2025, lượng xuất khẩu cà phê Robusta và cà phê Excelsa giảm so với cùng kỳ năm 2024, trong khi xuất khẩu cà phê Arabica và cà phê chế biến tăng.
- Huyện Bảo Lâm (tỉnh Lâm Đồng) triển khai chương trình hỗ trợ chuyển đổi giống cà phê với tổng kinh phí gần 373,3 triệu đồng.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV AgroInfo

GIÁ CÀ PHÊ GIẢM TRONG TUẦN

Trong tuần 02/06/2025 đến 06/06/2025, giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên giảm so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 115.493 VNĐ/kg, giảm 4,6% so với tuần trước, và giảm 6,7% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 117.433 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 113.933 VNĐ/kg.[1]

Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 115.020 VNĐ/kg, giảm 4,7% so với tuần trước, và giảm 6,3% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 117.000 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 113.500 VNĐ/kg. [1]

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

XUẤT KHẨU CÀ PHÊ 4 THÁNG 2025.

4 tháng đầu năm 2025, lượng xuất khẩu cà phê Robusta và cà phê Excelsa giảm so với cùng kỳ năm 2024, trong khi xuất khẩu cà phê Arabica và cà phê chế biến tăng. Điều đó cho thấy ngành cà phê Việt Nam đang chuyển đổi theo hướng bền vững, nâng cao chất lượng sản phẩm và giá trị gia tăng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và quốc tế. [2]

Xuất khẩu cà phê Robusta lớn nhất, chiếm 77,8% tổng trị giá xuất khẩu trong 4 tháng đầu năm 2025, đạt 557,1 nghìn tấn, trị giá 2,95 tỷ USD, giảm 14,4% về lượng nhưng tăng 43,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024 do giá xuất khẩu tăng mạnh. [2]

Xuất khẩu cà phê Arabica đạt 43,7 nghìn tấn, trị giá 284,2 triệu USD, tăng 32,2% về lượng và tăng 190,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. [2]

Đáng chú ý, xuất khẩu cà phê chế biến tăng 61,6% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 558,7 triệu USD.



SƠN LA

Huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La hiện có 1.143 ha cà phê được ứng dụng công nghệ cao, tập trung tại 18 bản của các xã: Chiềng Ban, Chiềng Chung, Chiềng Dong. Cây cà phê đang trong giai đoạn ra quả non, là thời điểm sinh trưởng quan trọng quyết định năng suất và chất lượng cuối vụ. Chính quyền địa phương và cơ quan chuyên môn đã chủ động triển khai các biện pháp kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và kiểm soát sâu bệnh hại.[3]

Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Mai Sơn đang phối hợp với các xã để tăng cường công tác tập huấn, hướng dẫn nông dân thực hiện chăm sóc, bón phân theo đúng quy trình và liều lượng phù hợp với từng giai đoạn sinh trưởng của cây. Đồng thời, công tác phòng trừ sâu bệnh được đẩy mạnh, tập trung vào các đối tượng gây hại phổ biến như rệp sáp, mọt đục cành và bệnh khô cành. Biện pháp cắt tỉa cành sâu bệnh, tạo độ thông thoáng nhằm tối ưu hóa quang hợp và dinh dưỡng cho cây cũng được thực hiện đồng bộ.[3]

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

LÂM ĐỒNG

Trong năm 2025, huyện Bảo Lâm (tỉnh Lâm Đồng) triển khai chương trình hỗ trợ chuyển đổi giống cà phê với tổng kinh phí gần 373,3 triệu đồng. Chương trình nhằm thay thế 16 ha diện tích cà phê già cỗi, có năng suất và chất lượng thấp bằng giống cà phê ghép Thiện Trường, với tổng số 17.776 cây giống được cung cấp. Chính sách ưu tiên tập trung hỗ trợ cho các hộ nghèo, cận nghèo và hộ đồng bào dân tộc thiểu số, với quy mô hỗ trợ tối đa không vượt quá 1 ha/hộ.[4]

Cây giống cà phê ghép Thiện Trường được sản xuất tại các cơ sở vườn ươm đã công bố tiêu chuẩn chất lượng và được Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Lâm Đồng tiếp nhận hồ sơ theo quy định. Các tiêu chuẩn kỹ thuật bao gồm: cây gốc ghép có độ tuổi từ 6 đến 8 tháng, mang 6–7 cặp lá thật, đường kính gốc ghép lớn hơn 3 mm; chồi ghép có chiều cao trên 10 cm; cây được huấn luyện ngoài ánh sáng trực tiếp từ 10 đến 15 ngày; thời gian tối thiểu từ lúc ghép đến khi xuất vườn là 40–45 ngày. Việc triển khai chương trình góp phần tái canh có hiệu quả các

vùng cà phê kém năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo phát triển bền vững ngành cà phê địa phương. [4]

ĐẮK NÔNG

Tính đến năm 2024, toàn tỉnh Đắk Nông có khoảng 143.000 ha cà phê, trong đó trên 131.000 ha đang cho thu hoạch. Cà phê là cây trồng chủ lực, chiếm tỷ trọng lớn trong thu nhập của nông dân và kinh tế nông nghiệp địa phương. Tuy nhiên, hơn 30% diện tích cà phê hiện nay đã già cỗi, năng suất thấp, rất cần được tái canh bằng giống mới chất lượng cao.[5]

Tỉnh Đắk Nông đang ghi nhận xu hướng mở rộng diện tích trồng mới cà phê do giá cà phê tăng mạnh, vượt ngưỡng 110.000 đồng/kg. Tuy nhiên, hoạt động trồng mới đang đối mặt với rủi ro lớn từ việc sử dụng giống trôi nổi, không rõ nguồn gốc, xuất phát từ các cơ sở ươm giống nhỏ lẻ, thiếu kiểm soát chất lượng.[5]

Trước thực trạng đó, chính quyền địa phương và ngành nông nghiệp tỉnh đã tăng cường kiểm tra, tuyên truyền, khuyến cáo nông dân chỉ sử dụng giống đã được công nhận như TRS1, TR4, TR11...nhằm đảm bảo chất lượng và năng suất[5]

GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ

ĐVT: VNĐ/kg

Tỉnh/huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/giảm
LÂM ĐỒNG	117.000	116.000	113.500	113.600	115.000	115.020	-5.700
Dì Linh	117.000	116.000	113.500	113.600	115.000	115.020	-5.700
Lâm Hà	117.000	116.000	113.500	113.600	115.000	115.020	-5.700
Bảo Lộc	117.000	116.000	113.500	113.600	115.000	115.020	-5.700
ĐẮK LẮK	117.433	116.433	113.933	114.033	115.633	115.493	-5.580
Cư M'gar	117.500	116.500	114.000	114.100	115.700	115.560	-5.580
Ea H'leo	117.400	116.400	113.900	114.000	115.600	115.460	-5.580
Buôn Hồ	117.400	116.400	113.900	114.000	115.600	115.460	-5.580
ĐẮK NÔNG	117.450	116.450	113.950	114.050	115.650	115.510	-5.680
Gia Nghĩa	117.500	116.500	114.000	114.100	115.700	115.560	-5.680
Đắk R'lấp	117.400	116.400	113.900	114.000	115.600	115.460	-5.680
GIA LAI	117.233	116.433	113.633	113.733	115.533	115.313	-5.760
Chư Prông	117.300	116.500	113.700	113.800	115.600	115.380	-5.760
Pleiku	117.200	116.400	113.600	113.700	115.500	115.280	-5.760
La Grai	117.200	116.400	113.600	113.700	115.500	115.280	-5.760
KON TUM	117.300	116.500	113.700	113.800	115.600	115.380	-7.000
Đắk Hà	117.300	116.500	113.700	113.800	115.600	115.380	-7.000

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com

TÀI LIỆU THAM KHẢO

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- [1]: <https://www.investing.com>
- [2]: giacaphe.com
- [3]: [I. & M. Smith \(Pty\) Ltd.](#)
- [4]: reuters.com
- [5]: [Tổ chức cà phê Thế giới](#)

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

- [1]: Cộng tác viên tại Tây Nguyên
- [2]: [Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công thương](#)
- [3]: [Báo Sơn La](#)
- [4]: [Báo Lâm Đồng](#)
- [5]: nongnghiepmoitruong.vn



Hệ thống thông tin thị trường cho một số ngành hàng nông sản chiến lược - gạo, cà phê và rau quả